

**CÔNG TY CỔ PHẦN
MAY THÊU GIÀY DÉP W.E.C SÀI GÒN**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2023



MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 – 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 – 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	5 – 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8
Bản thuyết minh báo cáo tài chính	9 – 25

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần May thêu Giày dép W.E.C Sài Gòn (dưới đây gọi tắt là "Công ty") đề trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính riêng đính kèm đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Diệp Thành Kiệt	Chủ tịch
Bà Nguyễn Thị Tuyết Phương	Thành viên
Bà Lâm Hoàng Vũ Nguyễn	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Bà Vũ Thị Kim Nhung	Trưởng ban
Ông Trần Văn	Thành viên
Bà Đặng Thị Kim Thoa	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Bà Nguyễn Thị Tuyết Phương	Tổng Giám đốc
Bà Lâm Hoàng Vũ Nguyễn	Phó Tổng Giám đốc

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam, thành viên RSM Quốc tế.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng hằng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

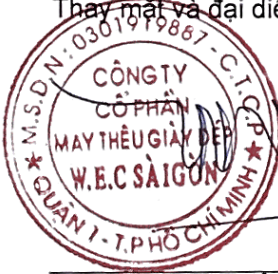
Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính riêng được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính riêng.

CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc Công ty công bố rằng, báo cáo tài chính riêng kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Thị Tuyết Phương
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 03 năm 2024

Số: 500/2024/KT-RSMHCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các cổ đông
Các thành viên Hội đồng Quản trị
Các thành viên Ban Tổng Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN MAY THÊU GIÀY DÉP W.E.C SÀI GÒN**

Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính riêng

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần May thêu Giày dép W.E.C Sài Gòn (dưới đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 29 tháng 03 năm 2024 từ trang 05 đến trang 25, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần May Thêu Giày dép W.E.C Sài Gòn tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

KT TỔNG GIÁM ĐỐC



Lục Thị Vân
Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:
0172-2023-026-1

Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 03 năm 2024



Nguyễn Thị Bích Thảo
Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:
4341-2024-026-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31/12/2023

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2023	Tại ngày 01/01/2023
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		31.286.284.487	27.710.017.208
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4.1	1.252.807.056	418.691.786
1. Tiền	111		252.807.056	418.691.786
2. Các khoản tương đương tiền	112		1.000.000.000	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		26.020.000.000	25.956.289.592
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	1.336.289.592
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	4.2	26.020.000.000	24.620.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		4.013.477.431	1.335.035.830
1. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		60.000.000	60.000.000
2. Phải thu ngắn hạn khác	136	4.3	3.953.477.431	1.275.035.830
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		15.391.230.958	15.391.230.958
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		31.230.958	31.230.958
1. Phải thu dài hạn khác	216		31.230.958	31.230.958
II. Tài sản cố định	220		-	-
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.4	-	-
Nguyên giá	222		7.212.375.403	7.212.375.403
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(7.212.375.403)	(7.212.375.403)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
1. Nguyên giá	231	4.5	7.273.326.473	7.273.326.473
2. Giá trị hao mòn lũy kế	232		(7.273.326.473)	(7.273.326.473)
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250	4.2	15.360.000.000	15.360.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		15.360.000.000	15.360.000.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		46.677.515.445	43.101.248.166

(Xem tiếp trang sau)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)
Tại ngày 31/12/2023

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2023	Tại ngày 01/01/2023
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		11.394.661.309	8.518.464.018
I. Nợ ngắn hạn	310		10.617.661.309	7.894.464.018
1. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	4.6	3.333.710.500	3.328.025.000
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.7	1.279.004.242	533.409.205
3. Phải trả người lao động	314		511.459.200	446.040.650
4. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		225.000.000	51.000.000
5. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		225.548.400	377.850.000
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	4.8	4.687.056.700	1.162.938.400
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		-	1.600.000.000
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		355.882.267	395.200.763
II. Nợ dài hạn	330		777.000.000	624.000.000
1. Phải trả dài hạn khác	337	4.8	777.000.000	624.000.000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		35.282.854.136	34.582.784.148
I. Vốn chủ sở hữu	410	4.9.1	35.282.854.136	34.582.784.148
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	4.9.2	24.000.000.000	24.000.000.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		24.000.000.000	24.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		3.942.733.644	3.942.733.644
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		7.340.120.492	6.640.050.504
LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước	421a		5.800.000.000	3.000.000.000
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		1.540.120.492	3.640.050.504
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		46.677.515.445	43.101.248.166



Phê duyệt

Nguyễn Thị Tuyết Phương
Tổng Giám đốc

Người lập



Nguyễn Thị Kim Chi
Kế toán trưởng

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 03 năm 2024

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2023	Năm 2022
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.1	13.132.383.126	10.894.741.960
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		13.132.383.126	10.894.741.960
3. Giá vốn hàng bán	11	5.2	5.942.113.948	5.154.369.881
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		7.190.269.178	5.740.372.079
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.3	5.259.424.790	1.721.939.323
6. Chi phí tài chính	22		18.279.452	-
<i>Trong đó, chi phí lãi vay</i>	23		18.279.452	-
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.4	3.648.943.783	2.771.287.251
8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		8.782.470.733	4.691.024.151
9. Chi phí khác	32		156.907.894	88.988.817
10. Lợi nhuận khác	40		(156.907.894)	(88.988.817)
11. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		8.625.562.839	4.602.035.334
12. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.6	1.085.442.347	961.984.830
13. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		7.540.120.492	3.640.050.504

Phê duyệt


Nguyễn Thị Tuyết Phương
Tổng Giám đốc

Người lập

Nguyễn Thị Kim Chi
Kế toán trưởng

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 03 năm 2024

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2023	Năm 2022
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		8.625.562.839	4.602.035.334
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		-	204.149.803
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	5.3	(5.259.424.790)	(1.721.939.323)
Chi phí lãi vay	06		18.279.452	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		3.384.417.501	3.084.245.814
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(758.441.601)	(72.996.538)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		92.058.270	(153.925.310)
Tăng giảm chứng khoán kinh doanh	13		1.336.289.592	(336.392.304)
Tiền lãi vay đã trả	14		(18.279.452)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	4.7	(261.984.830)	(1.112.745.082)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(879.369.000)	(1.012.322.940)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		2.894.690.480	395.863.640
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(27.500.000.000)	(27.000.000.000)
2. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		26.100.000.000	28.000.000.000
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		3.339.424.790	1.721.939.323
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		1.939.424.790	2.721.939.323
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ đi vay	33		-	1.600.000.000
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	6.1	(1.600.000.000)	-
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	4.9.4	(2.400.000.000)	(6.000.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(4.000.000.000)	(4.400.000.000)
LƯU CHUYỂN THUẦN TRONG NĂM				
(50 = 20 + 30 + 40)	50		834.115.270	(1.282.197.037)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		418.691.786	1.700.888.823
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM				
(70 = 50 + 60 + 61)	70	4.1	1.252.807.056	418.691.786

Phê duyệt


Nguyễn Thị Tuyết Phương
 Tổng Giám đốc

Người lập



Nguyễn Thị Kim Chi
 Kế toán trưởng

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 03 năm 2024

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần May thêu Giày dép W.E.C Sài Gòn (dưới đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103000005 ngày 28 tháng 01 năm 2000 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và các Giấy phép thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 19 tháng 02 năm 2013.

Ngày 19 tháng 01 năm 2018, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận hủy đăng ký công ty đại chúng của Công ty.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần 9 là 24 tỷ VND, được chi tiết như sau:

Nhà đầu tư	Quốc gia/ Quốc tịch	Tại ngày 31/12/2023		Tại ngày 01/01/2023	
		Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)	Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)
Công ty Cổ phần Dệt May Gia Định	Việt Nam	2.468.980.000	10,29	2.468.980.000	10,29
Vốn góp của các đối tượng khác	Việt Nam	21.531.020.000	89,71	21.531.020.000	89,71
Cộng		24.000.000.000	100,00	24.000.000.000	100,00

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại Lầu 4, 146 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 33 (31/12/2022: 32).

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Kinh doanh bất động sản, giáo dục mầm non.

1.3. Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Giáo dục mầm non;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sở sử dụng hoặc cho đi thuê.

1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

2.1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND"), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

2.2. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

2.3. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4. Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là VND.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU ĐƯỢC ÁP DỤNG

3.1. Các ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính riêng yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 cũng như các khoản doanh thu, chi phí cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2023. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc về tất cả những thông tin liên quan có sẵn tại ngày lập báo cáo tài chính riêng, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

Các khoản tương đương tiền được xác định phù hợp với Chuẩn mực kế toán "Báo cáo lưu chuyển tiền tệ".

3.3. Đầu tư tài chính

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm các khoản như các khoản tiền gửi có kỳ hạn, trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai, các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ, và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hay toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được thì số tổn thất đó được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm.

Đầu tư vào công ty con

Khoản đầu tư được phân loại là đầu tư vào công ty con khi Công ty có quyền kiểm soát các chính sách và hoạt động, thường thể hiện qua việc nắm giữ hơn 50% quyền biểu quyết.

Các khoản đầu tư vào công ty con được phản ánh theo giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư (nếu có). Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí của các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức, lợi nhuận được chia cho giai đoạn sau ngày đầu tư được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính theo giá trị hợp lý tại ngày được quyền nhận.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3.3. Đầu tư tài chính (Tiếp theo)

Phương pháp lập dự phòng tổn thất đầu tư tài chính

Đối với các khoản đầu tư khác

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính riêng, dự phòng tổn thất được trích lập khi có cơ sở cho thấy có giá trị suy giảm so với giá trị đầu tư của doanh nghiệp.

Dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con được tính dựa trên khoản lỗ của bên được đầu tư.

Dự phòng tổn thất đối với khoản đầu tư khác được tính dựa trên giá trị hợp lý nếu giá trị hợp lý được xác định một cách đáng tin cậy. Nếu không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư.

3.4. Nợ phải thu

Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Nguyên tắc dự phòng nợ phải thu khó đòi

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính riêng, dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng có khả năng không thu hồi được hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Trường hợp mua tài sản cố định được kèm thêm thiết bị, phụ tùng thay thế thì xác định và ghi nhận riêng thiết bị, phụ tùng thay thế theo giá trị hợp lý và được trừ (-) khỏi nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

- | | |
|----------------------------------|------------|
| ▪ Nhà cửa, vật kiến trúc | 7 - 10 năm |
| ▪ Máy móc thiết bị | 4 năm |
| ▪ Phương tiện vận tải truyền dẫn | 5 - 6 năm |
| ▪ Thiết bị, dụng cụ quản lý | 3 - 5 năm |

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3.6. Thuê tài sản

Phân loại thuê tài sản

Thuê tài chính là thuê tài sản mà bên cho thuê có sự chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản cho bên thuê. Tất cả các khoản thuê khác được phân loại là thuê hoạt động.

Thuê hoạt động

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản.

3.7. Cho thuê tài sản

Cho thuê hoạt động

Tài sản cho thuê hoạt động được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán theo cách phân loại tài sản của Công ty.

Chi phí trực tiếp ban đầu để tạo ra doanh thu từ nghiệp vụ cho thuê hoạt động được ghi nhận ngay vào chi phí trong kỳ khi phát sinh/phân bổ dần vào chi phí trong suốt thời hạn cho thuê theo thời hạn của hợp đồng thuê. Doanh thu cho thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn thuê, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán.

Khấu hao tài sản cho thuê hoạt động được thực hiện trên cơ sở nhất quán với chính sách khấu hao của bên cho thuê áp dụng đối với những tài sản tương tự.

3.8. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Đối với bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá, Công ty không trích khấu hao mà xác định tổn thất do giảm giá trị.

Nguyên tắc ghi nhận bất động sản đầu tư

Nguyên giá bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí bằng tiền hoặc tương đương tiền mà doanh nghiệp phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hình thành bất động sản đầu tư đó. Nguyên giá của bất động sản đầu tư bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trực tiếp ban đầu.

Phương pháp khấu hao bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng. Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá không trích khấu hao mà xác định tổn thất do giảm giá trị.

Thời gian khấu hao ước tính cho nhóm nhà cửa, vật kiến trúc là từ 5 đến 10 năm.

Khi thanh lý/bán bất động sản đầu tư, chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản đầu tư được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

(Xem tiếp trang sau)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3.9. Nợ phải trả

Nợ phải trả được phân loại là phải trả người bán và phải trả khác theo nguyên tắc: Phải trả người bán là khoản phải trả có tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua; Các khoản phải trả còn lại được phân loại là phải trả khác.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng.

Nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

3.10. Nguồn vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

Quỹ dự trữ

Các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế được trích lập theo qui định trong Điều lệ Công ty.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được phân phối cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và theo các quy định của pháp luật Việt Nam.

3.11. Doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

Lãi tiền gửi

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Thu nhập đầu tư

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

3.12. Giá vốn cung cấp dịch vụ

Giá vốn cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của dịch vụ cung cấp trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3.13. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng).

3.14. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành là 20%.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất (và các luật thuế) có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con, chi nhánh, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (lỗ tính thuế) tại thời điểm giao dịch;
- Tài sản thuế hoãn lại cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, chi nhánh, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh chỉ được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi giảm đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3.14. Thuế (Tiếp theo)

Thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận là thu nhập hay chi phí để tính lãi, lỗ của kỳ phát sinh, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh từ một giao dịch hoặc sự kiện được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu trong cùng kỳ hay một kỳ khác.

Công ty chỉ được bù trừ tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại với thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

Thuế giá trị gia tăng

Thuế giá trị gia tăng của các hàng hóa và dịch vụ do Công ty cung cấp được tính theo các mức thuế như sau:

- Kinh doanh trường mầm non: Không chịu thuế;
- Dịch vụ cho thuê mặt bằng và dịch vụ khác: 10%.

Các loại thuế khác

Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

3.15. Các bên liên quan

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty. Công ty liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm các giám đốc, các cán bộ điều hành của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan.

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

4.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Tại ngày 31/12/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Tiền mặt	29.967.110	67.944.012
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	222.839.946	350.747.774
Các khoản tương đương tiền (*)	1.000.000.000	-
Cộng	1.252.807.056	418.691.786

(*) Các khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng và có lãi suất 3,2%/năm tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY THÊU GIÀY DÉP W.E.C SÀI GÒN

Địa chỉ: Lầu 4, 146 Đường Nguyễn Công Trứ, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.2. Các khoản đầu tư tài chính**

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn từ 3 đến 12 tháng được chi tiết như sau:

Ngân hàng	Tại ngày 31/12/2023		Tại ngày 01/01/2023	
	VND	Lãi suất/năm	VND	Lãi suất/năm
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát Triển Việt Nam	13.620.000.000	Từ 3,2% đến 7,5%	6.120.000.000	Từ 4,8% đến 5%
Ngân hàng Thương mại Cổ Phần Xuất nhập khẩu Việt Nam	12.400.000.000	Từ 8,3% đến 8,4%	18.500.000.000	Từ 5,1% đến 5,5%
Cộng	26.020.000.000		24.620.000.000	

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/12/2023			Tại ngày 01/01/2023		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý (*)	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý (*)	Dự phòng
Đầu tư vào công ty con:						
Công ty Cổ phần May Đại Việt	15.360.000.000		-	15.360.000.000		-

(*) Tại ngày báo cáo, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào công ty con để thuyết minh trong báo cáo tài chính do không có giá niêm yết trên thị trường và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

(Xem tiếp trang sau)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.3. Phải thu ngắn hạn khác

	Tại ngày 31/12/2023		Tại ngày 01/01/2023	
	VND		VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu về cổ tức được chia				
– Xem thêm Mục 7	1.920.000.000	-	-	-
Tạm ứng nộp tiền thuê đất	828.441.601	-	-	-
Phải thu người lao động	5.035.830	-	75.035.830	-
Phải thu khác	1.200.000.000	-	1.200.000.000	-
Cộng	3.953.477.431	-	1.275.035.830	-

(Xem tiếp trang sau)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.4. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá:					
Tại ngày 01/01/2023	6.033.610.974	147.671.700	978.600.000	52.492.729	7.212.375.403
Tại ngày 31/12/2023	6.033.610.974	147.671.700	978.600.000	52.492.729	7.212.375.403
Giá trị hao mòn lũy kế:					
Tại ngày 01/01/2023	6.033.610.974	147.671.700	978.600.000	52.492.729	7.212.375.403
Tại ngày 31/12/2023	6.033.610.974	147.671.700	978.600.000	52.492.729	7.212.375.403
Giá trị còn lại:					
Tại ngày 01/01/2023	-	-	-	-	-
Tại ngày 31/12/2023	-	-	-	-	-

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 7.212.375.403 VND.

(Xem tiếp trang sau)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.5. Tăng, giảm bất động sản đầu tư

Nhà cửa, vật kiến trúc	Tại ngày 31/12/2023 VND	Tăng trong năm VND	Giảm trong năm VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Bất động sản đầu tư cho thuê:				
Nguyên giá	7.273.326.473	-	-	7.273.326.473
Giá trị hao mòn lũy kế	(7.273.326.473)	-	-	(7.273.326.473)
Giá trị còn lại	-			-

Nguyên giá bất động sản đầu tư đã khấu hao hết nhưng vẫn cho thuê là 7.273.326.473 VND.

Tại ngày báo cáo, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư nắm giữ để cho thuê để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các bất động sản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

4.6. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Bà Nguyễn Đặng Tường Vi	3.300.000.000	3.300.000.000
Nhận ứng trước từ khách hàng khác	33.710.500	28.025.000
Cộng	3.333.710.500	3.328.025.000

4.7. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Tại ngày 31/12/2023 VND	Trong năm VND		Tại ngày 01/01/2023 VND
	Phải nộp	Phải nộp	Đã nộp/ Khấu trừ	Phải nộp
Thuế giá trị gia tăng	39.447.375	570.924.945	582.349.797	50.735.863
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.092.680.839	1.085.442.347	261.984.830	269.223.322
Thuế thu nhập cá nhân	146.876.028	300.261.342	366.698.970	213.450.020
Thuế nhà đất và tiền thuế đất	-	824.464.058	824.464.058	-
Cộng	1.279.004.242	2.781.092.692	2.035.497.655	533.409.205

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.8. Phải trả khác

	Tại ngày 31/12/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Ngắn hạn:		
Cổ tức phải trả cho bên liên quan – Xem thêm Mục 7	755.409.000	-
Cổ tức phải trả cho các bên khác	2.844.591.000	-
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1.070.648.334	1.114.648.334
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm y tế	9.250.116	10.817.316
Các khoản phải trả, phải nộp khác	7.158.250	37.472.750
Cộng	4.687.056.700	1.162.938.400
Dài hạn:		
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	777.000.000	624.000.000

4.9. Vốn chủ sở hữu

4.9.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu			Cộng VND
	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	
Tại ngày 01/01/2022	24.000.000.000	3.942.733.644	9.637.352.722	37.580.086.366
Lãi trong năm 2022	-	-	3.640.050.504	3.640.050.504
Chia cổ tức năm 2021	-	-	(2.400.000.000)	(2.400.000.000)
Tạm chia cổ tức năm 2022	-	-	(3.600.000.000)	(3.600.000.000)
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	(637.352.722)	(637.352.722)
Tại ngày 01/01/2023	24.000.000.000	3.942.733.644	6.640.050.504	34.582.784.148
Lãi trong năm 2023	-	-	7.540.120.492	7.540.120.492
Tạm chia cổ tức năm 2023	-	-	(6.000.000.000)	(6.000.000.000)
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	(840.050.504)	(840.050.504)
Tại ngày 31/12/2023	24.000.000.000	3.942.733.644	7.340.120.492	35.282.854.136

(Xem tiếp trang sau)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.9.2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Tại ngày 31/12/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Công ty Cổ phần Dệt May Gia Định	2.468.980.000	2.468.980.000
Vốn góp của các đối tượng khác	21.531.020.000	21.531.020.000
Cộng	24.000.000.000	24.000.000.000

4.9.3. Cổ phiếu

	Tại ngày 31/12/2023	Tại ngày 01/01/2023
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	2.400.000	2.400.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã bán ra công chúng	2.400.000	2.400.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	2.400.000	2.400.000

Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần.

4.9.4. Cổ tức

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Số dư đầu năm	-	-
Cổ tức phải trả	6.000.000.000	6.000.000.000
Cổ tức đã trả của cổ phiếu phổ thông	(2.400.000.000)	(6.000.000.000)
Số dư cuối năm	3.600.000.000	-

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

5.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Doanh thu từ giáo dục mầm non	7.423.133.676	5.534.032.074
Doanh thu cho thuê mặt bằng	5.709.249.450	5.360.709.886
Cộng	13.132.383.126	10.894.741.960

Trong đó, doanh thu cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan – Xem thêm Mục 7 1.600.000.000 1.600.000.000

Trong năm, số lượng lớp học và học sinh của trường mầm non tăng làm cho doanh thu từ giáo dục mầm non của Công ty tăng đáng kể so với năm trước.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

5.2. Giá vốn hàng bán

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Giá vốn từ giáo dục mầm non	5.118.223.924	3.960.818.340
Giá vốn cho thuê mặt bằng	823.890.024	1.193.551.541
Cộng	5.942.113.948	5.154.369.881

Giá vốn trong kỳ tăng do doanh thu tăng.

5.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Cổ tức được chia – Xem thêm Mục 7	3.840.000.000	-
Lãi tiền gửi ngân hàng	1.419.424.790	1.721.939.323
Cộng	5.259.424.790	1.721.939.323

Trong năm, Công ty được chia cổ tức từ công ty con – Công ty Cổ Phần May Đại Việt làm cho doanh thu hoạt động tài chính tăng đáng kể.

5.4. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Chi phí nhân viên	2.434.752.641	2.007.827.261
Chi phí vật liệu, đồ dùng văn phòng	2.263.636	603.800
Thuế, phí, lệ phí	3.000.000	3.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	175.760.567	129.525.258
Chi phí bằng tiền khác	1.033.166.939	630.330.932
Cộng	3.648.943.783	2.771.287.251

5.5. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Chi phí nhân công	5.963.303.601	4.734.770.971
Chi phí khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	-	204.149.803
Chi phí dịch vụ mua ngoài	824.464.058	989.401.738
Chi phí khác bằng tiền	2.803.290.072	1.997.334.620
Cộng	9.591.057.731	7.925.657.132

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

5.6. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành được xác định như sau:

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế trong năm	8.625.562.839	4.602.035.334
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng	641.648.894	207.888.817
Trừ: Các khoản điều chỉnh giảm	(3.840.000.000)	-
Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh	5.427.211.733	4.809.924.151
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	20%	20%
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế	1.085.442.347	961.984.830
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	1.085.442.347	961.984.830

Các khoản điều chỉnh tăng/(giảm) thu nhập chịu thuế chủ yếu là các khoản mục theo qui định của Luật thuế TNDN không được xem là chi phí hoặc thu nhập khi tính thuế như thù lao hội đồng quản trị không tham gia điều hành; cổ tức và lợi nhuận được chia; chi phí không có đủ hóa đơn, chứng từ hợp pháp theo quy định của pháp luật.

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

6.1. Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	1.600.000.000	-

7. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan

Mối quan hệ

- | | |
|---|--------------------------|
| 1. Công ty Cổ phần May Đại Việt | Công ty con trực tiếp |
| 2. Công ty TNHH May Tây Nguyên | Công ty con gián tiếp |
| 3. Hội đồng quản trị (HĐQT), Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát | Nhân sự quản lý chủ chốt |

Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư phải thu với các bên liên quan như sau:

	Tại ngày 31/12/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Phải thu ngắn hạn khác về cổ tức được chia – Xem thêm Mục 4.3:		
Công ty Cổ phần May Đại Việt	1.920.000.000	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

7. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)

	Tại ngày 31/12/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Phải trả ngắn hạn khác về cổ tức:		
Bà Lâm Hoàng Vũ Nguyễn	358.065.000	-
Ông Diệp Thành Kiệt	173.031.000	-
Bà Nguyễn Thị Tuyết Phương	137.784.000	-
Bà Vũ Thị Kim Nhung	42.546.000	-
Ông Trần Văn	32.544.000	-
Bà Đặng Thị Kim Thoa	11.439.000	-
Cộng – Xem thêm Mục 4.8	755.409.000	-

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Cung cấp dịch vụ cho thuê mặt bằng – Xem thêm Mục 5.1:		
Công ty Cổ phần May Đại Việt	1.600.000.000	1.600.000.000
	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND

Cổ tức được chia – Xem thêm Mục 5.3:

Công ty Cổ phần May Đại Việt	3.840.000.000	-
------------------------------	---------------	---

Lương, thù lao và các khoản chi phí khác của các thành viên Hội đồng quản trị ("HĐQT"), Ban Kiểm soát ("BKS") và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong năm như sau:

Tên	Chức vụ	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Bà Nguyễn Thị Tuyết Phương	Tổng giám đốc kiêm Thành viên HĐQT	721.100.000	689.200.000
Ông Lâm Hoàng Vũ Nguyễn	Phó Tổng giám đốc kiêm Thành viên HĐQT	256.742.674	236.489.261
Ông Diệp Thành Kiệt	Chủ tịch HĐQT	97.750.000	14.000.000
Bà Vũ Thị Kim Nhung	Trưởng BKS	62.150.000	14.000.000
Ông Trần Văn	Thành viên BKS	271.950.000	249.000.000
Bà Đặng Thị Kim Thoa	Thành viên BKS	11.250.000	6.000.000
Cộng		1.420.942.674	1.208.689.261

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

8. CAM KẾT THEO CÁC HỢP ĐỒNG THUÊ HOẠT ĐỘNG

Công ty cho thuê mặt bằng theo các hợp đồng thuê hoạt động. Các hợp đồng cho thuê có kỳ hạn trung bình là 1 - 5 năm, với tiền cho thuê cố định mỗi kỳ:

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Doanh thu cho thuê hoạt động ghi nhận trong năm	5.709.249.450	5.360.709.886
Tại ngày 31/12/2023, Công ty có các khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu trong tương lai của các hợp đồng thuê hoạt động không hủy ngang theo các thời hạn:		
	Tại ngày 31/12/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Từ 1 năm trở xuống	14.573.128.000	3.131.350.000
Trên 1 năm đến 5 năm	8.746.000.000	360.000.000
Cộng	23.319.128.000	3.491.350.000

9. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có vấn đề hoặc tình huống nào khác phát sinh kể từ ngày 31/12/2023 có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể có ảnh hưởng trọng yếu đến hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh hoặc tình hình của Công ty trong những năm tài chính sắp tới.

Phê duyệt

Nguyễn Thị Tuyết Phương
Tổng Giám đốc

Người lập

Nguyễn Thị Kim Chi
Kế toán trưởng

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 03 năm 2024